

Bản án số: 305/2023/HS-ST

Ngày: 22/11/2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, TP.HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo

Ông Nguyễn Xuân Luyện

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lệ Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Huê - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 273/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2023/QĐXXST-HS ngày 11/10/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 120/2023/QĐ – HPT ngày 24/10/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: NTT – sinh năm 1991; HKTT: 58 HB, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: số 144B PT, phường Phúc Tân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Nhân viên kế toán;

Con ông NĐT (đã chết) và bà VTH – sinh năm 1962; Chồng: VCC, sinh năm 1979. Có hai con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2022.

Tiền án tiền sự:

Bản án số 252/HSST ngày 14/7/2020 Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 18 năm tù về tội Cướp tài sản. Bị cáo kháng cáo. Ngày 21/6/2023 Tòa án nhân dân Tối Cao ra quyết định đình chỉ xét xử số 262/2023/HSPT do bị cáo rút đơn kháng cáo. Bản án có hiệu lực pháp luật từ ngày 21/6/2023. Hiện bị cáo chưa thi hành Bản án trên.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nguyên đơn dân sự: Công ty TNHH kinh doanh bất động sản S
Địa chỉ: Tầng 2 khu nhà ở xã hội tại Ô đất B8.NXH, đường CHM, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, TP. Hà Nội
Người đại diện theo ủy quyền: Ông ĐTNM – sinh năm 1991
HKTT: số 40 LTK, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.
(Ông M vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/10/2022, CQCSĐT - CA quận Long Biên nhận được đơn trình báo của Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản S (Địa chỉ: Tầng 2, Khu Nhà ở xã hội tại ô đất B8.NXH, đường CHM, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, TP Hà Nội) được Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp Giấy đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 22/11/2018 là Doanh nghiệp ngoài nhà nước được thành lập để hoạt động kinh doanh quản lý, vận hành, cung cấp dịch vụ cho Khu nhà ở xã hội HR, P. Phúc Đồng, MST: 0108516784) gọi tắt là Công ty S, tổ giấc NTT (SN: 1991, HKTT: Số 58 HB - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội, Chỗ ở: 144B PT, Phường Phúc Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội) có hành vi Tham ô tài sản là tiền của Công ty .

Nhận được tin báo Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra làm rõ: Ngày 01/10/2019 giữa Công ty Cổ phần Phát triển Nhà PD (chủ đầu tư) và Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản S ký kết Hợp đồng dịch vụ số 0110/HĐDVQL/PĐ-S. Công ty S thực hiện việc quản lý, vận hành; Ban quản lý toà nhà (đơn vị trực thuộc của Công ty S) thu phí dịch vụ quản lý, vận hành từ cư dân và cung cấp các dịch vụ quản lý, vận hành tòa nhà.

Ngày 26/6/2020, Công ty S đã ký Hợp đồng lao động với NTT (HĐ số 16/2020/HĐLD-S), theo Hợp đồng, NTT được Công ty S bố trí công việc chuyên môn là Nhân viên thủ quỹ. Theo sự phân công nhiệm vụ nội bộ và Hợp đồng lao động đã ký kết, công việc của NTT là trực tiếp thu tiền phí dịch vụ của cư dân Tòa nhà HR, phát hành phiếu thu cho người dân, quản lý tiền thu được và nộp lại khoản tiền đã thu trong ngày vào quỹ của Công ty. Để quản lý việc thu chi, Công ty S có sử dụng phần mềm Landsoft và giao cho NTT thực hiện việc sử dụng phần mềm. Sau khi nhập số tiền thu theo phần mềm, phần mềm sẽ tự động xuất phiếu thu và xác nhận đã thu tiền của cư dân tòa nhà. Hàng ngày sau khi thu được bao nhiêu tiền thì cuối ngày T phải nộp lại cho thủ quỹ là chị TTH. Trong thời gian làm việc tại Công ty, khi nhận nhiệm vụ T có sử dụng phần mềm Landsoft để hạch toán doanh thu. Khi sử dụng phần mềm mỗi người có một quyền truy cập riêng, không ai được phép biết quyền truy cập của người khác. Trong một lần thu tiền của cư dân, T đánh nhầm một phiếu thu tiền năm 2021 thành năm 2051, cuối ngày T tìm không thấy phiếu thu này hiển thị trên phần

mềm, đồng thời phần mềm cũng không hiển thị số tiền đã thu của phiếu này. T đã gọi điện hỏi đơn vị cung cấp phần mềm họ đã tìm và phát hiện nguyên nhân là do T đánh nhầm thành năm 2051. Khoảng cuối năm 2021 do khó khăn về kinh tế, tiền bạc, T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền mà T đã thu của cư dân bằng cách: Khi cư dân nộp tiền T vẫn thao tác trên phần mềm như bình thường rồi in phiếu thu và giao cho cư dân, nhưng sau đó T đã sửa lại một số phiếu thu trên phần mềm thành năm 2051 để trên hệ thống không hiển thị số phiếu thu và số tiền của các phiếu thu bị sửa, tức là số phiếu thu này và số tiền trên phiếu thu nằm ngoài doanh số của kỳ thu đó. T đã lấy khoản tiền không hiển thị này để chi tiêu cá nhân. Từ khoảng cuối năm 2021 đến đầu tháng 6/2022 T đã lấy của Công ty S là: 321.613.925VNĐ (*Ba trăm hai một triệu, sáu trăm mười ba nghìn, chín trăm hai năm đồng*). Khi T xin nghỉ việc để sinh con, Công ty đã phát hiện ra việc này và yêu cầu T trả lại tiền cho Công ty nhưng T không trả được. Vì vậy, Công ty S đã trình báo cơ quan công an.

Tại Cơ quan điều tra NTT khai nhận như trên, lời khai của bị can phù hợp với lời khai của đại diện Công ty S và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Ngày 21/3/2023, CQĐT đã tổ chức cho bị can thực nghiệm hành vi chiếm đoạt tiền của Công ty, cụ thể: Cơ quan điều tra yêu cầu Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản S khởi động máy tính có phần mềm Landsoft quản lý việc thu tiền phí dịch vụ của khu nhà ở xã hội HR, sau đó yêu cầu NTT thao tác sửa mục năm thu tiền 2023 thành năm 2051.

- Khi chưa sửa thì phần mềm hiển thị ngày 21/3/2023 đã thu của 05 hộ cư dân với số tiền là 571.418VNĐ.

- Sau khi sửa năm 01 hộ cư dân đã đóng tiền thành năm 2051 thì phần mềm chỉ hiển thị còn 04 hộ cư dân nộp tiền với số tiền đã nộp là 471.418VNĐ.

Tổng số tiền chênh lệch trước và sau khi sửa năm là 100.000VNĐ.

Về dân sự: Bị can NTT đã trả cho Công ty S số tiền là 20.000.000 VNĐ (*Hai mươi triệu đồng chẵn*), Công ty S yêu cầu T phải hoàn trả số tiền còn lại cho Công ty là 301.613.925 VNĐ (*Ba trăm linh một triệu, sáu trăm mười ba nghìn, chín trăm hai năm đồng*). Hiện bị can chưa khắc phục số tiền này.

Cáo trạng số: 253/CT-VKS ngày 26/9/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đã truy tố NTT về tội: Tham ô tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo NTT vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra thấy

rằng: Hành vi của bị cáo NTT đã đủ yếu tố cấu thành tội: Tham ô tài sản, Hành vi của bị cáo vi phạm vào điểm d khoản 2 Điều 353 của BLHS.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Về hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo T mức án từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về dân sự: Buộc bị cáo bồi thường số tiền 301.613.925đ cho công ty S

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra-Công an quận Long Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Bị cáo NTT vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

HĐXX xét xử vắng mặt bị cáo là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh:

Xét lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; biên bản thực nghiệm điều tra, lời khai người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng cuối năm 2021 đến đầu tháng 6/2022 tại Công ty S, Địa chỉ: Tầng 2, Khu nhà ở xã hội HR, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội bị cáo NTT có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt số tiền: 321.613.925 đ (*Ba trăm hai một triệu, sáu trăm mười ba nghìn, chín trăm hai năm đồng*) của Công ty S thì bị phát hiện.

Hành vi của bị cáo NTT đã phạm tội: Tham ô tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn và quyền sở hữu tài sản của các cơ quan, tổ chức được pháp luật bảo vệ. Do vậy, cần xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:
- Về tình tiết tăng nặng TNHS: không
- Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Tại cơ quan điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Bị cáo đã bồi thường 20 triệu đồng cho công ty S nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 điều 51 BLHS.

[4] Về dân sự: Buộc bị cáo bồi thường số tiền 301.613.925đ cho công ty S

[5] Về án phí:
Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo:
Bị cáo và những người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điều 38, điều 48, điều 56 Bộ luật Hình sự; Điều 136, điều 331, điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo NTT phạm tội: Tham ô tài sản.

Xử phạt: bị cáo NTT 09 (chín) năm tù.

Tổng hợp hình phạt với 18 năm tù (được trừ 09 ngày tạm giữ) của bản án số 252 ngày 14/7/2020 của Tòa án nhân dân TP. Hà Nội đã có hiệu lực pháp luật.

Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 27 (hai mươi bảy) năm tù (được trừ 09 ngày tạm giữ).

Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 301.613.925đ (*ba trăm linh một triệu sáu trăm mười ba nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng*) cho công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản S.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.”

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 15.080.696đ (mười lăm triệu không trăm tám mươi nghìn sáu trăm chín mươi sáu đồng) án phí DSST.

4. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhân

- TANDTP.Hà Nội;
- VKSNDTP.Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP.Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Công an quận Long Biên;
- Chi cục THA. DS quận Long Biên;
- Cơ quan THA.HS quận Long Biên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP/TA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thu Hà